

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 622/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 14 tháng 11 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục, mức hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 02/3/2011 của UBND tỉnh Gia Lai về việc quy định mức hỗ trợ lao động nông thôn học nghề thực hiện Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” của tỉnh Gia Lai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 112/2010/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/7/2010 của liên Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” ban hành kèm theo Quyết định 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 128/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 9/8/2012 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 112/2010/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/7/2010 của liên Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” ban hành kèm theo Quyết định 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 755/QĐ-UBND ngày 09/11/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” của tỉnh Gia Lai và Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 02/03/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức hỗ trợ lao động nông thôn học nghề thực hiện Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 của tỉnh Gia Lai;

Xét đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 52/SLĐTBXH-DN ngày 3/9/2013 về việc xin điều chỉnh, bổ sung nghề đào tạo cho lao động nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh một số tên nghề như sau:

TT	Tên nghề đào tạo cũ	Tên nghề điều chỉnh
	A. Phi nông nghiệp	A. Phi nông nghiệp

1	- Sửa chữa máy nông nghiệp	- Sửa chữa máy cày công suất nhỏ
2	- Sửa chữa xe máy	- Sửa chữa, bảo dưỡng xe gắn máy
3	- Điện nông thôn	- Lắp đặt và sửa chữa điện sinh hoạt
4	- Xây dựng	- Nê
5	- May công nghiệp - dân dụng	- Cắt may cơ bản
B. Nông nghiệp		B. Nông nghiệp
1	- Trồng, chăm sóc, thu hoạch cà phê	- Trồng cà phê
2	- Trồng, chăm sóc, thu hoạch Tiêu	- Trồng hồ Tiêu
3	- Trồng rau sạch	- Trồng rau an toàn
4	- Kỹ thuật nuôi trâu bò	- Nuôi và phòng bệnh cho trâu bò
5	- Kỹ thuật nuôi Dê	- Nuôi và phòng bệnh cho Dê
6	- Kỹ thuật nuôi Lợn	- Nuôi và phòng bệnh cho Lợn
7	- Kỹ thuật nuôi Gà	- Nuôi và phòng bệnh cho Gà

Các tên nghề điều chỉnh không thay đổi định mức kinh phí đào tạo được phê duyệt tại Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 02/03/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 2. Bổ sung các nghề đào tạo cho lao động nông thôn như sau:

SỐ TT	NGHỀ BỔ SUNG	
	A. Phi nông nghiệp	B. Nông nghiệp
1	- Dệt thổ cẩm	1 - Trồng mía
2	- Mộc dân dụng	2 - Trồng lúa năng suất cao
3	- Nghiệp vụ phục vụ bàn	3 - Trồng ngô
4	- Dịch vụ chăm sóc gia đình	4 - Trồng khoai lang, sắn
5	- Nghiệp vụ bảo mẫu	5 - Trồng đậu tương, lạc
		6 - Trồng và khai thác rừng trồng
		7 - Tạo dáng và chăm sóc cây cảnh
		8 - Sử dụng thuốc thú y trong chăn nuôi
		9 - Nuôi ong
		10 - Nuôi và đánh bắt cá lồng hồ
		11 - Nuôi cá nước ngọt

Điều 3. Các nghề bổ sung được thanh toán trên cơ sở các nghề đã được duyệt tại Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 02/03/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh, cụ thể như sau:

- Nghề dệt thổ cẩm định mức và các khoản thanh toán như nghề cắt may cơ bản.
- Nghề mộc dân dụng định mức và các khoản thanh toán như nghề nề.
- Nghiệp vụ phục vụ bàn; dịch vụ chăm sóc gia đình; nghiệp vụ bảo mẫu định mức và các khoản thanh toán như nghiệp vụ lưu trú.
- Các nghề nông nghiệp (trồng mía đường; trồng lúa năng suất cao; trồng ngô; trồng khoai lang, sắn; trồng đậu tương, lạc; trồng và khai thác rừng trồng; tạo dáng và chăm sóc cây cảnh) định mức và các khoản thanh toán như nghề trồng nấm.

- Các nghề nông nghiệp (sử dụng thuốc thú y trong chăn nuôi; nuôi ong; nuôi và đánh bắt cá lồng hồ; nuôi cá nước ngọt) định mức và các khoản thanh toán như nghề nuôi và phòng bệnh cho trâu, bò.

Điều 4. Kinh phí thuê lớp học 1.000.000 đ/khóa học 2 tháng và 750.000đ/khóa học 1,5 tháng. Phụ cấp cho giáo viên được tính theo mức lương cơ bản hiện hành.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội; Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư; Giáo dục và Đào tạo; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 6;
- T/T Tỉnh ủy, T/T HĐND tỉnh (để b/c);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Tổng cục Dạy nghề-Bộ LĐTBXH;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, TTTH, VHXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Măng Đung